TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 – CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 326/2026/HNGĐ - ST
Ngày: 28 – 7 – 2026
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tuấn Kiệt

Các vị Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Sol

Ông Ong Văn Đủ

-*Thư ký phiên tòa*: Ông Phạm Thanh Vũ là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Cà Mau.

Trong các ngày 24 và 28 tháng 7 năm 2026 tại Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 186/2026/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2026 về việc "*Tranh chấp ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 388/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị D - Sinh năm 1987 (Có đơn xin vắng mặt).

CCCD: 096187012084.

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh Văn N - Sinh năm 1988 (Vắng mặt).

CMND: 381452694.

Cùng trú: Ấp Đ, xã H, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa bà Võ Thị D (Nguyên đơn) trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông N kết hôn năm 2014, có đăng ký kết hôn vào ngày 23/12/2014 tại UBND xã Tân Hưng Đông, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến cuối năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hợp nhau, thường xuyên cự cãi. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông N.

- *Về con chung:* Có 02 con chung tên Huỳnh Võ Nhật H, sinh năm 2007 và Huỳnh Võ Triệu V, sinh ngày 05/10/2014. Hiện nay cháu H đã trưởng thành, sức khỏe bình thường tự lao động nuôi sống bản thân được nên không yêu cầu Tòa án

giải quyết. Đối với cháu V đang sống chung với ông N. Sau khi ly hôn bà D đồng ý giao cháu V cho ông N tiếp tục nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Bà Võ Thị D xác định trong thời gian chung sống có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Bà Võ Thị D xác định trong thời gian chung sống bà và ông N không có nợ ai, cũng không ai nợ vợ chồng ông bà nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với ông Huỳnh Văn N, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý về yêu cầu của bà D nhưng ông N không có ý kiến. Tòa án thông báo để ông N tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ hai nhưng ông N vắng mặt không lý do nên Tòa án không thể tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải giữa ông, bà được.

TÒA ÁN NHẬN ĐỊNH:

[1] *Về tố tụng*: Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Huỳnh Văn N tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng ông N vắng mặt không lý do, bà Võ Thị D có đơn xin vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà D, ông N theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp của vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy:

Về hôn nhân: Bà D và ông N kết hôn vào ngày 23/12/2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Hưng Đông, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa bà D và ông N được quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà D xin được ly hôn với ông N, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không hợp nhau. Đối với yêu cầu này Hội đồng xét xử thấy rằng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử ông N không có ý kiến bằng văn bản hay trực tiếp tranh tụng tại Tòa án để thể hiện quan điểm đối với yêu cầu của bà D, cũng như tự bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho ông. Nhận thấy, mâu thuẫn giữa bà D và ông N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu của bà D, cho bà D được ly hôn với ông N là có căn cứ pháp luật được quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Bà Võ Thị D xác định trong thời gian chung sống bà và ông N có Có 02 con chung tên Huỳnh Võ Nhật H, sinh năm 2007 và Huỳnh Võ Triệu V, sinh ngày 05/10/2014. Hiện nay cháu H đã trưởng thành, sức khỏe bình thường tự lao động nuôi sống bản thân được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu V đang sống chung với ông N. Sau khi ly hôn bà D đồng ý giao cháu V cho ông N tiếp tục nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy từ khi bà D và ông N ly thân thì cháu V sống chung với ông N sức khỏe cũng đã ổn định và có N vọng sống chung với ông N. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Huỳnh

Võ Triệu V, sinh ngày 05/10/2014 cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con do ông N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Bà Võ Thị D xác định trong thời gian chung sống bà và ông N có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Bà Võ Thị D xác định trong thời gian chung sống không nợ ai, cũng không ai nợ vợ chồng ông bà, bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Ông N vắng mặt không có ý kiến về con chung, tài sản và nợ chung nên không đặt ra xem xét. Nếu sau này giữa các bên đương sự có phát sinh tranh chấp về con chung, tài sản chung và nợ chung thì có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác theo quy định pháp luật.

[3] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Võ Thị D phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 9, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giãm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị D.

Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Võ Thị D được ly hôn với ông Huỳnh Văn N.

Về con chung: Giao cho ông Huỳnh Văn N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tên Huỳnh Võ Triệu V, sinh ngày 05/10/2014. Bà Võ Thị D không phải cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Võ Thị D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Bà Võ Thị D có dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003458 ngày 01 – 4 – 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau (Do ông Tô Văn Cưng nộp thay), sau khi đối trừ

bà D đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông Huỳnh Văn N không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự N thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai bà Võ Thị D và ông Huỳnh Văn N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Khu vực 4 – tỉnh Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 4 – Cà Mau;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Tuấn Kiệt